

BÁO CÁO

Về việc tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Quyết định số 22/QĐ-BNV ngày 05/01/2018 của Bộ Nội vụ về ban hành Kế hoạch xác định Chỉ số Cải cách hành chính năm 2017 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh Thanh Hóa Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa; với các nội dung chính sau:

1. Kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính (có Bảng tổng hợp gửi kèm theo).

2. Tài liệu kiểm chứng

Thực hiện theo yêu cầu của Bộ Nội vụ, các tài liệu kiểm chứng đều thể hiện dưới dạng file PDF đính kèm tệp trên phần mềm quản lý chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính tại địa chỉ: parindex.caicachhanhchinh.gov.vn.

3. Đề xuất, kiến nghị

Theo quy định của Bộ Nội vụ: “Tiêu chí thành phần 7.4.2 với thang điểm 1 nếu có trên 70% số đơn vị hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001; dưới 40% thì điểm đánh giá là 0” là chưa hợp lý.

Trong khi các tỉnh trên cả nước với số lượng đơn vị hành chính cấp xã tương đối ít thì tỷ lệ đạt được so với thang điểm quy định rất khả quan. Riêng đối với Thanh Hóa, có 635 xã, phường, thị trấn, trong đó có 196 xã thuộc 11 huyện miền núi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Do vậy, tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 cần tuân theo lộ trình của UBND tỉnh.

UBND tỉnh Thanh Hóa kính đề nghị Bộ Nội vụ cần có điều chỉnh hợp lý trong chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2017 và những năm tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, THKH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Thìn

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH THANH HÓA NĂM 2017**

(Kèm theo Báo cáo số 80 /BC-UBND ngày 26 /02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	10	9	
1.1	Kế hoạch CCHC	1,5	1,5	
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	0,5	0,5	Ngày 28/12/2016 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành QĐ số 5068/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch CCHC năm 2017. Theo đó xác định đầy đủ 6 nội dung CCHC theo quy định của Chính phủ: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách Tổ chức bộ máy hành chính; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Cải cách tài chính công và Hiện đại hóa hành chính. Kế hoạch đã quy định cụ thể trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ, kết quả sản phẩm, thời gian hoàn thành đối với từng nhiệm vụ, từng cơ quan, đơn vị tại Phụ lục đính kèm.
1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1	1	Kế hoạch CCHC 2017 của tỉnh Thanh Hóa đã xác định 35 nhiệm vụ. Tuy nhiên, 02 nhiệm vụ trong lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính giao Sở Tư pháp Thanh Hóa chủ trì đã được Chủ tịch UBND tỉnh hoãn thực hiện (Cụ thể tại Công văn số 4586/UBND-THKH ngày 28/4/2017). Còn 33/33 nhiệm vụ giao

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
				các các đơn vị đều được hoàn thành đúng thời gian quy định (Cụ thể tại Báo cáo số 646/BC-SNV ngày 28/12/2017 của Sở Nội vụ Thanh Hóa).
1.2	<i>Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ</i>	3	3	<ul style="list-style-type: none"> - Các Báo cáo định kỳ về CCHC (Báo cáo số 25/BC-SNV; Báo cáo số 63/BC-SNV; Báo cáo số 129/BC-SNV; Báo cáo số 161/BC-SNV). - Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật (Báo cáo số 469/BC-STP). - Báo cáo định kỳ về ứng dụng CNTT (Báo cáo số 33/BC-UBND; Báo cáo số 152-BC-UBND; Báo cáo số 190/BC-UBND; Báo cáo số 1506/BC-STTTT). - Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng CC, VC số 51/BC-SNV ngày 30/01/2018 của Sở Nội vụ Thanh Hóa.
1.3	<i>Kiểm tra công tác CCHC</i>	2	2	
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm	1	1	Trong năm trực tiếp kiểm tra tại 04 đơn vị sở, huyện và 21 đơn vị tự kiểm tra gửi báo cáo về Sở Nội vụ theo quy định. Cụ thể tại Báo cáo số 161/BC-UBND ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh và Báo cáo số 653/BC-SNV của Sở Nội vụ.
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	1	100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được các đơn vị khắc phục. Cụ thể tại Báo cáo số 653/BC-SNV ngày 29/12/2017 của Sở Nội vụ.

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
1.4	<i>Công tác tuyên truyền CCHC</i>	1	1	
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5	0,5	Kế hoạch tuyên truyền CCHC được lồng ghép trong Kế hoạch CCHC năm 2017 ban hành kèm theo Quyết định số 5068/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh. Từng nhiệm vụ trong kế hoạch xác định cụ thể, rõ ràng kết quả sản phẩm đầu ra, thời gian hoàn thành, đơn vị thực hiện (Cụ thể tại điểm 7, Mục II và phụ lục số 07). 5/5 nhiệm vụ về tuyên truyền CCHC đều được các đơn vị hoàn thành đúng thời gian quy định. Cụ thể tại Báo cáo CCHC năm 2017 (Báo cáo số 161/BC-UBND và Báo cáo số 646/BC/SNV).
1.4.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	0,5	0,5	Trong năm, đã thực hiện tuyên truyền bằng cả 3 hình thức: Tổ chức hội nghị tập huấn chuyên đề CCHC (Giấy mời họp số 303/GM-UBND ngày 27/6/2017; Thông báo kết luận cuộc họp số 129/TB-UBND ngày 07/7/2017). Đăng tải trên website của UBND tỉnh tại địa chỉ thanhhoa.gov.vn và tuyên truyền CCHC định kỳ vào 21h35 phút vào tối chủ nhật hàng tuần (cụ thể tại mục lịch phát sóng truyền hình Thanh Hóa, địa chỉ: www.truyenhinhthanhhoa.vn). Ngoài ra, Thanh Hóa phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức Hội thảo khoa học cấp quốc gia về CCHC với chuyên đề "Cải cách pháp luật và xây dựng bộ máy nhà nước dưới triều vua Lê Thánh Tông - Những giá trị lịch sử và đương đại". Cụ thể tại Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
				<p>24/02/2017 của UBND tỉnh; Thông báo số 20/TB-UBND ngày 24/02/2017). Bên cạnh đó tuyên truyền bằng hình thức viết bài trên các báo của ngành, địa phương như Báo Thanh Hóa, Báo Pháp luật và đời sống, v.v. (bài viết trên Báo Thanh Hóa số ra hàng tuần tháng 8/2017 - số 8611 và bài viết trên Báo Thanh Hóa số 134 số ra hàng tháng - tháng 9/2017). Sở Tư pháp ký hợp đồng tuyên truyền với Đài PT&TH Thanh Hóa để tuyên truyền về cải cách TTHC.</p>
1.5	<i>Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính</i>	1,5	1,5	<p>Trong năm Thanh Hóa có 03 giải pháp, sáng kiến mới trong CCHC gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh Hóa là tỉnh đầu tiên trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho thực hiện thí điểm thi tuyển công chức cấp xã (Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 26/5/2017). - Thành lập Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh; cấp huyện (Quyết định 1666/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh và Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 22/5/2017). - Ban hành quy định Công khai kết quả giải quyết TTHC, công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC (Quyết định số 876/2017/QĐ-UBND ngày 27/3/2017). <p>Các sáng kiến nêu trên lần đầu tiên được áp dụng tại</p>

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
				tỉnh đã mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh; kiểm soát tốt hơn kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. Đặc biệt với việc thành lập và đưa vào hoạt động của Trung tâm HCC tỉnh nâng cao tỷ lệ giải quyết đúng hạn, rút ngắn thời gian đi lại của tổ chức, công dân. Cụ thể tại Báo cáo số 23/BC-HCC ngày 07/02/2018 của Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa.
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1	0	Tỉnh không tự đánh giá nội dung này.
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH	10	5	
2.1	<i>Theo dõi thi hành pháp luật</i>	2	2	
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	1	1	Cụ thể tại Báo cáo số 469/BC-STP ngày 13/10/2017 của Sở Tư pháp Thanh Hóa.
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1	1	
2.2	<i>Xử lý VBQPPL sau rà soát</i>	1,5	1,5	Số liệu cụ thể tại Điểm c, Khoản 1 Mục I, phần thứ nhất Báo cáo số 171/BC-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh về tổng kết công tác tư pháp năm 2017.
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua	1,5	1,5	Số liệu cụ thể tại Điểm b, Khoản 1, Mục I, phần thứ

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
	Kiểm tra			nhất Báo cáo số 171/BC-UBND.
2.4	Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành	5	0	Tỉnh không tự đánh giá nội dung này.
2.4.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1	0	Tỉnh không tự đánh giá nội dung này.
2.4.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1	0	Tỉnh không tự đánh giá nội dung này.
2.4.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1,5	0	Tỉnh không tự đánh giá nội dung này.
2.4.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh	1,5	0	Tỉnh không tự đánh giá nội dung này.
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	14,5	14,4466	
3.1	<i>Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)</i>	1,5	1,5	
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0,5	0,5	Trong năm, tỉnh không ban hành các quy định TTHC trái với thẩm quyền được giao. Cụ thể tại Báo cáo số 197/BC-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
				2017.
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	1	1	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý và kiến nghị xử lý. Trên cơ sở báo cáo kết quả rà soát, đánh giá của các đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 18 Quyết định về việc thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính. Cụ thể tại Báo cáo số 147/BC-UBND ngày 10/10/2017 của UBND tỉnh.
3.2	<i>Công bố, công khai thủ tục hành chính</i>	4	4	
3.2.1	Công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	0,5	0,5	Trong năm, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 117 Quyết định công bố 1.590 TTHC, trong đó bao gồm: 839 TTHC mới ban hành, 108 TTHC sửa đổi, bổ sung; 643 TTHC bị bãi bỏ. Các TTHC đều được công bố kịp thời ngay sau khi ban hành. Cụ thể tại Khoản 3, Mục I Báo cáo số 197/BC-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh.
3.2.2	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	1	1	100% TTHC được đăng tải kịp thời vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố. Cụ thể tại Khoản 3, Mục I Báo cáo số 197/BC-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh.
3.2.3	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	1	1	100% các cơ quan, đơn vị sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC. Cụ thể tại Khoản 2, Mục I Báo cáo số 653/BC-SNV ngày

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
				29/12/2017 của Sở Nội vụ.
3.2.4	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	1,5	1,5	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 3 cấp chính quyền đều được công khai đầy đủ trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và đơn vị.
3.3	<i>Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</i>	4,5	4,5	
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (sở, ban, ngành) được thực hiện theo cơ chế một cửa	0,5	0,5	Hiện nay, có 1.357 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành cấp tỉnh được các đơn vị đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa đạt 100%. Cụ thể tại Khoản 2, Mục I Báo cáo số 51/BC-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh.
3.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	1	1	Hiện tại có 270 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện được thực hiện theo cơ chế một cửa. 27/27 đơn vị cấp huyện thực hiện đúng theo quy định. Cụ thể tại Báo cáo số 51/BC-UBND ngày 27/4/2014 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.
3.3.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa (Không tính các xã thuộc huyện đảo)	1	1	Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 221 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã. 635/635 xã đã đưa 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết vào thực hiện theo cơ chế một cửa. Cụ thể tại Khoản 2, Mục I Báo cáo số 51/BC-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh.

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
3.3.4	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	1	1	Hiện nay, Thanh Hóa có 173 TTHC đang thực hiện giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp. Cụ thể tại Phụ lục I kèm theo Báo cáo số 51/BC-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh.
3.3.5	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	1	1	Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 82 TTHC đang được thực hiện liên thông giữa các cấp chính quyền, trong đó có 66 TTHC thuộc lĩnh vực của Sở Tài nguyên môi trường và 16 TTHC thuộc lĩnh vực của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Cụ thể tại phụ lục I kèm theo Báo cáo số 51/BC-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa.
3.4	<i>Kết quả giải quyết TTHC</i>	3	2,9466	
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	0,9902	Trong năm, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận 311.154 hồ sơ, trong đó giải quyết đúng hạn 308.017 hồ sơ; 39 hồ sơ giải quyết quá hạn. Số liệu cụ thể tại Bảng biểu số 06đ kèm theo Báo cáo số 197/BC-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh.
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	0,962	Trong năm có 433.824 hồ sơ được tiếp nhận tại UBND cấp huyện, trong đó có 417.340 hồ sơ được giải quyết đúng hạn. Cụ thể tại Bảng biểu số 06đ kèm theo Báo cáo số 197/BC-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh.

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	0,9944	Trong năm, tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 2.452.551 hồ sơ, kỳ trước chuyển sang 46.513 hồ sơ; trong đó giải quyết đúng hạn 2.484.968 hồ sơ. Cụ thể tại Bảng biểu số 6đ kèm theo Báo cáo số 197/BC-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh.
3.5	<i>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh</i>	1,5	1,5	Thực hiện đúng theo quy định.
3.5.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	0,5	0,5	Thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định.
3.5.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1	1	Trong năm đã tiếp nhận 5 phản ánh, kiến nghị về TTHC; tất cả phản ánh kiến nghị đều được xử lý theo quy định. Cụ thể tại Khoản 5, Mục I, Báo cáo số 197/BC-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh.
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	11	6,5	
4.1	<i>Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy</i>	2,5	2,5	
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các	1	1	Trong năm, thường xuyên rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
	phòng chuyên môn cấp huyện			quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện, bảo đảm đúng quy định của chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Cụ thể tại Báo cáo số 161/BC-UBND và Báo cáo số 621/BC-SNV của Sở Nội vụ.
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	1,5	1,5	Căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật, từ thực trạng, nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện bổ nhiệm số lượng cấp phó; ngày 21/11/2016, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 4512/QĐ-UBND quy định khung số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Quyết định số 4513/QĐ-UBND quy định khung số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; Quyết định số 4514/QĐ-UBND quy định khung số lượng cấp phó các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh. Theo các quy định khung số lượng cấp phó nêu trên, đối với các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố có số lượng cấp phó nhiều hơn số lượng cấp phó theo quy định, yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện rà soát, xây dựng kế hoạch bố trí, điều động, luân chuyển giữa

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
				các phòng, ban, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; đảm bảo đến 30/9/2017 thực hiện điều chuyển xong số lượng cấp phó vượt so với quy định và chỉ được bổ sung thêm cấp phó khi số lượng chưa đạt đủ số lượng quy định. Nhìn chung các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện đã triển khai và thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh. Trên cơ sở rà soát, các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch bố trí, điều động, luân chuyển giữa các phòng, ban, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Nếu cơ quan, đơn vị nào thực hiện không tốt việc bổ nhiệm cấp phó theo quy định, UBND tỉnh Thanh Hóa sẽ làm rõ trách nhiệm của các cá nhân, tập thể có liên quan và xử lý, hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý trách nhiệm theo quy định.
4.2	<i>Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao</i>	2	2	
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1	1	Số lượng biên chế hành chính của tỉnh được Bộ Nội vụ giao là 4.152; đang sử dụng 3.885.
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	1	1	Tổng số người làm việc thực tế tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được Hội đồng nhân dân tỉnh giao là 60.453; số đang thực hiện đến 30/9/2017 là 58.310 .

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	2	2	
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	0,5	0,5	Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về phân cấp quản lý nhà nước. Phân cấp quản lý nhà nước đến nay, đã và đang thực hiện có hiệu quả trong các lĩnh vực như: tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức; quản lý đầu tư xây dựng; quản lý ngân sách nhà nước; quản lý đất đai, tài nguyên; quản lý hộ tịch, hộ khẩu, hành chính tư pháp; giáo dục và đào tạo; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương.... Việc phân cấp quản lý nhà nước đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện công tác quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp, các ngành; đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác quản lý nhà nước và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	0,5	0,5	Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao theo phân cấp, các sở, ban, ngành chủ động xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra đối với các đơn vị cấp huyện, cấp xã.
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua	1	1	100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
	kiểm tra			định.
4.4	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	4,5	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
4.4.1	Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh	1,5	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
4.4.2	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh	1,5	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
4.4.3	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện	1,5	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	16	9,25	
5.1	<i>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</i>	2	2	
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	1	100% các cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt tại Quyết định số 2034/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ. Công văn số 3036/UBND-THKH ngày 01/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai Quyết định số 2034/QĐ-BNV ngày 31/12/2015

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
				của Bộ Nội vụ về phê duyệt Danh mục vị trí việc làm của các cơ quan hành chính tỉnh Thanh Hóa; Thông báo của Sở Nội vụ về Danh mục vị trí việc làm của các sở, UBND cấp huyện tại Thông báo số 261/TB-SNV đến 308/TB-SNV ngày 21/6/2016; Công văn 435/SNV-TCBC ngày 04/5/2016 về việc triển khai Quyết định số 2034/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ; Tổ chức Hội nghị hướng dẫn việc hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của từng đơn vị (Công văn số 615/SNV-TCBC ngày 21/6/2016).
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	1	100% đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, thuộc huyện có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt (Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 27/4/2014 kèm theo Đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thanh Hoá.
5.2	<i>Tuyển dụng công chức, viên chức</i>	1	1	
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	0,5	0,5	Trong năm 2017, Thanh Hóa tiến hành thí điểm thi tuyển công chức cấp xã theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Việc thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã được thực hiện theo đúng quy định. Kết quả thi tuyển được thể hiện tại Báo cáo số 586/BC-HĐTT ngày 24/11/2017 và Báo cáo số 639/BC-HĐTT ngày 21/12/2017 của Hội đồng thi tuyển công chức cấp xã năm 2017.

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	0,5	0,5	Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị SNCL đều được thực hiện đúng quy định của Luật Viên chức.
5.3	<i>Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh</i>	1	1	
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0,5	0,5	<p>Việc thi nâng ngạch công chức trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hàng năm, trên cơ sở thông báo về chỉ tiêu nâng ngạch công chức của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ thông báo đến các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện đăng ký danh sách những người đủ điều kiện dự thi nâng ngạch. Năm 2017 không tổ chức kỳ thi. Kết quả đánh giá dựa trên kết quả thực hiện của năm 2016 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 8155/UBND-THKH ngày 27/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao Sở Nội vụ tham mưu cử công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp năm 2016. - Công văn số 8410/SNV-QLCCVC ngày 27/7/2016 của Sở Nội vụ về việc thông báo chỉ tiêu nâng ngạch lên chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp năm 2016. - Công văn số 985//SNV-QLCCVC ngày 30/8/2016 của Sở Nội vụ về việc cử công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp năm

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
				<p>2016.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 11406/UBND-THKH ngày 05/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thông báo triệu tập cán bộ, công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp năm 2016. - Công văn số 324/UBND-THKH ngày 09/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thông báo điểm thi nâng ngạch công chức năm 2016.
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0,5	0,5	<p>Những năm gần đây, Thanh Hóa chưa tổ chức các kỳ thi, xét thăng hạng viên chức. Thực hiện Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành, hàng năm, trên cơ sở thông báo của các Bộ, ngành chủ quản, Thanh Hóa cử viên chức đi dự thi thăng hạng viên chức theo đúng quy định. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 1474/SNV-QLCCVC ngày 28/11/2016 về việc triển khai kế hoạch thi thăng hạng viên chức hành chính làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của nhà nước. - Công văn số 733/SNV-QLCCVC ngày 08/7/2016 về việc đăng ký chỉ tiêu dự thi nâng ngạch lên giáo viên chính và giáo viên cao cấp năm 2016. - Công văn số 771/SNV-QLCCVC ngày 18/7/2016 về việc đăng ký chỉ tiêu dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên chính năm 2016.

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
				<p>- Công văn số 1187/SNV-QLCCVC ngày 10/10/2016 về việc đăng ký chỉ tiêu dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ngành y tế năm 2016.</p> <p>- Công văn số 1622/SNV-QLCCVC ngày 28/12/2016 về việc đăng ký chỉ tiêu dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp biên tập viên, phóng viên năm 2016.</p>
5.4	<i>Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính</i>	3	3	Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và Quyết định số 2235/2017/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 về ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý.
5.5	<i>Đánh giá, phân loại công chức, viên chức</i>	1	0,75	
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	0,5	0,5	Trong năm đã thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	0,5	0,25	Trong năm, tỉnh Thanh Hóa không có cán bộ, công chức cấp xã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
5.6	<i>Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</i>	1	1	Trong năm đã mở 163/163 lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2017 ban hành kèm theo Quyết định số

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
				2215/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh. Cụ thể tại Báo cáo số 51/BC-SNV ngày 30/01/2018 của Sở Nội vụ Thanh Hóa.
5.7	<i>Cán bộ, công chức cấp xã</i>	1	0,5	
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0,5	0,25	Hiện nay, tỉnh Thanh Hóa còn 105 công chức cấp xã chưa đạt chuẩn. Số liệu cụ thể tại Khoản 4, Mục II Báo cáo số 161/BC-UBND ngày 15/11/2017.
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,5	0,25	Hiện nay, Thanh Hóa còn 993 cán bộ cấp xã chưa đạt chuẩn. Số liệu cụ thể tại Khoản 4, Mục II Báo cáo số 161/BC-UBND ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh.
5.8	Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức	2	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
5.8.1	Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
5.8.2	Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
5.9	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	4	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
5.9.1	Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
5.9.2	Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1	0	Tinh không thực hiện đánh giá nội dung này.
5.9.3	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	1	0	Tinh không thực hiện đánh giá nội dung này.
5.9.4	Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	1	0	Tinh không thực hiện đánh giá nội dung này.
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	7	4	
6.1	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</i>	1	1	Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được thực hiện đúng quy định của Chính phủ. Cụ thể theo Báo cáo số 604/BC-STC ngày 12/02/2018 của Sở Tài chính.
6.2	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh</i>	3	3	
6.2.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	1	1	Trong năm có thêm đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên (Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải Thanh Hóa). Cụ thể tại Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của UBND tỉnh và Công văn số 605/STC-HCSN ngày 12/02/2018 của Sở Tài chính Thanh Hóa.

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
6.2.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	1	1	Trong năm có thêm đơn vị SNCL tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa. Cụ thể tại BC số 604/BC-STC và Công Văn số 605/STC-HCSN của Sở Tài chính Thanh Hóa và QĐ 1028/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	1	1	100% số đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm năm. Cụ thể tại Báo cáo số 604/BC-STC ngày 12/02/2018 của Sở Tài chính Thanh Hóa.
6.3	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	3	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
6.3.1	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
6.3.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
6.3.3	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	16	8,1032	
7.1	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh</i>	4,5	3,3333	

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1	0,8333	10/12 nhiệm vụ, đề án, dự án trong Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2017 đã được thực hiện đúng thời gian quy định. Cụ thể tại phụ lục số 02 kèm theo Báo cáo số 1506/BC-STTTT ngày 13/11/2017 về kết quả ứng dụng CNTT trong hoạt động trong các cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2017 của Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa.
7.1.2	Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	0,5	0,5	Ngày 22/8/2017 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3089/QĐ-UBND về Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa.
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	1	1	Trong năm có 98,6% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử. Số liệu cụ thể tại Tiết b, Điểm 2.2, Khoản 2, Mục 2 Phụ lục số 3A kèm theo Công văn số 45/STTTT-CNTT ngày 15/01/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa.
7.1.4	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã)	1	0,5	Hiện nay, Thanh Hóa đã thực hiện kết nối liên thông các phần mềm quản lý văn bản đến 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và 253 UBND cấp xã. Cụ thể tại Báo cáo số 1506/BC-STTTT ngày 13/11/2017 (khoản 4 mục II) và Công văn số 45/STTTT-CNTT của Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa.
7.1.5	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	1	0,5	

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
7.2	<i>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</i>	2,5	0,7699	
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0,5	0	
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1	0	
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1	0,7699	Số liệu cụ thể tại Bảng 3A.3 phụ lục số 3A kèm theo Công văn số 45/STTTT-CNTT.
7.3	<i>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)</i>	2,5	2,5	
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0,5	0,5	Hiện nay, toàn tỉnh có 10 TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI. Trong đó cả 10 TTHC đều có phát sinh hồ sơ đã sử dụng dịch vụ BCCI (đạt 100%). Cụ thể theo Công văn số 71/BĐTH-KHKD ngày 09/02/2018 của Bưu điện tỉnh Thanh Hóa.
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	1	1	Theo số liệu thống kê của Bưu điện tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 71/BĐTH-KHKD ngày 09/02/2018, trong năm đã tiếp nhận và giải quyết 14.623 hồ sơ TTHC của 10 TTHC thực hiện tiếp nhận qua dịch vụ BCCI. Trên cơ sở thống kê, tổng hợp của Sở Tư pháp tại BC

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
				số 197/BC-UBND ngày 29/12/2017, đối với 10 TTHC đã thực hiện tiếp nhận qua dịch vụ BCCI là 37.333 hồ sơ. Như vậy, tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua dịch vụ BCCI trong năm là 14.623/37.333 (đạt 39%).
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	1	1	Theo số liệu thống kê của Bưu điện tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 71/BĐTH-KHKD ngày 09/02/2018, trong năm đã tiếp nhận và giải quyết 14.623 hồ sơ TTHC của 10 TTHC thực hiện tiếp nhận qua dịch vụ BCCI đều được trả qua dịch vụ BCCI.
7.4	<i>Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định</i>	2,5	1,5	
7.4.1	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công bố ISO 9001 theo quy định	0,5	0,5	Thanh Hóa có 20 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 27 đơn vị hành chính cấp huyện đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:20008. Cụ thể danh sách đơn vị tại Phụ lục I kèm theo Báo cáo số 178/BC-SKHCHN ngày 18/12/2017 của Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa.
7.4.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định	1	0	
7.4.3	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	1	1	Phụ lục II Báo cáo số 178/BC-SKHCHN

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
7.5	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính	4	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
7.5.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
7.5.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của tỉnh	1	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
7.5.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
7.5.4	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
8	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH	15,5	3	
8.1	Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh	12	0	Tỉnh không thực hiện đánh giá nội dung này.
8.2	<i>Tác động của CCHC đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh</i>	3,5	3	
8.2.1	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1	1	Trong năm, cả tỉnh thu hút được 231 dự án đầu tư trực tiếp (10 dự án FDI) với tổng số vốn đầu tư đăng ký

PAR INDEX

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
				đạt 32.370 tỷ đồng, tăng 47 dự án và gấp 4,7 lần vốn đăng ký so với cùng kỳ. Cụ thể tại Tiết 2.1 Điểm 2 Mục I Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong năm đánh giá và trước năm liền kề kèm theo Công văn số 698/SKHĐT-VP ngày 07/02/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa.
8.2.2	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	1	1	Trong năm 2017 thành lập mới 3.100 doanh nghiệp (cụ thể tại Tiết 1.5 Điểm 1 Mục I Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội kèm theo Công văn số 698/SKHĐT-VP của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa, gấp 2,14 lần so với năm 2016 (thành lập mới 1.400 doanh nghiệp. Cụ thể tại Tiết 1.5 Điểm 1 Mục I Báo cáo số 110/BC-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về tình hình phát triển kinh tế xã hội năm 2016).
8.2.3	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	1,5	1	Thu ngân sách nhà nước đạt 13.144 tỷ đồng, đạt chỉ tiêu được giao. Cụ thể tại Tiết 1.4 Điểm 1 Mục I Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2017 kèm theo Công văn số 698/SKHĐT-VP của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa.
	TỔNG ĐIỂM	100	59,2998	